

LỊCH SỬ THAY ĐỔI VĂN BẢN
QUY ĐỊNH NGHIỆP VỤ CHO VAY, ĐI VAY, GỬI TIỀN, NHẬN TIỀN GỬI VÀ MUA
BÁN CỔ KỲ HẠN/MUA BÁN LẠI GIẤY TỜ CÓ GIÁ GIỮA VPBANK VÀ TỔ CHỨC
TÍN DỤNG

Các điểm sửa đổi chủ yếu			
STT	Điều/Khoản có thay đổi	Quy định trước đây (Vấn tắt)	Nay sửa đổi thành (Vấn tắt)
1.	Điều 1: Mục đích, đối tượng và phạm vi áp dụng áp dụng	Đối tượng thực hiện giao dịch: Chưa quy định Phạm vi áp dụng: áp dụng với phòng tiền tệ và thanh khoản, Phòng Kinh doanh GTCG và các phòng ban liên quan	Bổ sung đối tượng được cho vay, đi vay, nhận gửi tiền, gửi tiền, mua bán có kỳ hạn/mua bán lại GTCG Mở rộng phạm vi áp dụng thêm Phòng bán sản phẩm thị trường tài chính Khách hàng định chế tài chính phi ngân hàng đồng thời sửa đổi các phòng ban theo cơ cấu hiện hành VPBank.
2.	Khoản 2, Điều 2: Giải thích từ ngữ	Chưa quy định “Cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Chưa quy định một số định nghĩa liên quan đến mua bán kỳ hạn GTCG/mua bán lại GTCG	+ Bổ sung một số định nghĩa: Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch, giao dịch đối ứng.. + Sửa đổi, điều chỉnh một số định nghĩa: Khách hàng/Đối tác, giao dịch viên, Hạn mức giao dịch, thời hạn gửi tiền.. + Bổ sung, điều chỉnh các định nghĩa liên quan đến mua bán kỳ hạn/mua bán lại GTCG như: Giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG, Giao dịch mua bán lại GTCG, Giao dịch repos, Giao dịch reverse repos, Ngày mua, Ngày mua lại, Ngày giao dịch, Ngày đặt lệnh, Lãi suất Repos ...
3.	Điều 3: Điều kiện khách hàng thực hiện giao dịch	Chưa có quy định	Bổ sung toàn bộ
4.	Điều 5: Quản lý rủi ro khi thực hiện giao dịch	Chưa tham chiếu quy định nội bộ	Bổ sung các quyết định cụ thể của VPBank liên quan đến các loại rủi ro.

5.	Điều 6: Trích lập dự phòng	Chưa có quy định nội bộ tham chiếu.	Bổ sung các quyết định cụ thể của VPBank liên quan đến trích lập dự phòng.
6.	Điều 7: Phương thức thỏa thuận, thực hiện và xác nhận giao dịch	Chưa có quy định về phương thức giao dịch.	Bổ sung quy định về thỏa thuận giao dịch và nội dung thỏa thuận giao dịch. Và sửa đổi quy định về xác nhận giao dịch.
7.	Điều 9: Thanh toán giao dịch	Chưa quy định	Bổ sung toàn bộ
8.	Điều 10: Quy định về hạch toán và lưu trữ chứng từ	Chưa quy định	Bổ sung toàn bộ
9.	Điều 11: Quy trình thực hiện	Chưa quy định	Bổ sung toàn bộ
10.		Quy định về các hạn mức giao dịch tại Điều 11	Bỏ quy định này
11.	Điều 15: Hình thức bảo đảm đối với giao dịch	Chưa quy định cụ thể việc VPBank nhận tài sản đảm bảo và VPBank đi cầm cố/thể chấp tài sản	Bổ sung quy định cụ thể liên quan đến việc VPBank nhận tài sản đảm bảo và VPBank đi cầm cố/thể chấp tài sản.
12.	Điều 16 và Khoản 4 Điều 21: Đồng tiền giao dịch	Chưa quy định	Bổ sung toàn bộ
13.	Điều 17 và Điều 22: Thời gian cho vay/đi vay, gửi tiền/nhận tiền gửi, thời hạn mua bán có kỳ hạn, mua bán lại GTCG	Quy định thời hạn giao dịch với giao dịch cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi và giao dịch mua bán lại qua HNX	Bổ sung thời hạn giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG không qua HNX và quy định cụ thể hơn với giao dịch mua bán lại qua HNX.
14.	Điều 19: Lãi suất quá hạn, Lãi suất chậm trả, Gia hạn, điều chỉnh kỳ trả nợ.	Quy định về lãi suất quá hạn theo quy định cũ,	Sửa đổi quy định về lãi suất quá hạn phù hợp với TT18/2016/TT-NHNN và Bổ sung quy định về lãi phạt chậm chuyển tiền.
15.		Điều 20. Giải quyết khiếu nại của Khách hàng	Bỏ quy định này
16.		Điều 21. Thông tin và quan hệ Quy định về trách nhiệm trung của Giao dịch viên trong việc thu thập thông tin,	Bỏ quy định này

		phát triển quan hệ và bảo mật thông tin	
17.	Điều 24: Nguyên tắc xác định giá mua, giá mua lại, giá thực hiện trong giao dịch mua bán có kỳ hạn, mua bán lại GTCG	Đã được quy định Khoản 2, Điều 7	Sửa đổi để phù hợp với TT18/2016/TT-NHNN và quy định của HNX
18.	Điều 25: Phương thức thực hiện giao dịch	Chưa quy định	Bổ sung quy định về phương thức thực hiện giao dịch áp dụng với mua bán có kỳ hạn, mua bán lại GTCG
19.	Điều 26: Xử lý vi phạm	Chưa quy định	Bổ sung quy định về xử lý vi phạm với giao dịch GTCG

Số: ~~107~~ /2016/QĐi-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUY ĐỊNH

NGHIỆP VỤ CHO VAY, ĐI VAY, GỬI TIỀN, NHẬN TIỀN GỬI VÀ MUA, BÁN CÓ KỲ HẠN/MUA BÁN LẠI GIẤY TỜ CÓ GIÁ GIỮA VPBANK VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Thông tư 21/2012/TT-NHNN về hoạt động cho vay, đi vay; mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành ngày 18/06/2012 có hiệu lực ngày 01/09/2012 được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN ngày 07/01/2013 và Thông tư 18/2016/TT-NHNN Ngày 22/08/2016 (“Thông tư 21/2012/TT-NHNN”);
- Căn cứ Thông tư 234/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 hướng dẫn quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương của Bộ Tài chính (Thông tư 234/2012/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số: 975/2015/QC-HĐQT ngày 01/09/2015;
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

QUY ĐỊNH:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Mục đích

Quy định thống nhất việc thực hiện các giao dịch cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá, mua bán lại giấy tờ có giá của VPBank nhằm mục đích:

- Đảm bảo khả năng thanh toán,
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh
- Tối ưu hóa dòng tiền nhằm mang lại lợi nhuận cho VPBank

- Hạn chế các sai sót có thể xảy ra trong quá trình thực hiện giao dịch.

2. Đối tượng thực hiện giao dịch¹

- a) Đối tượng được cho vay, đi vay, nhận tiền gửi, gửi tiền bao gồm: các tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
- b) Đối tượng được mua, bán có kỳ hạn GTCG; mua bán lại GTCG bao gồm: các tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã; chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật tổ chức tín dụng và các khách hàng khác được phép thực hiện hoạt động mua; bán GTCG; mua bán có kỳ hạn GTCG, mua bán lại GTCG theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Phòng Thị trường tiền tệ và Quản lý thanh khoản, Phòng kinh doanh Trái phiếu Chính phủ và công cụ phái sinh; Phòng Bán sản phẩm Thị trường tài chính Khách hàng Định chế tài chính phi ngân hàng; Phòng Quản trị rủi ro thị trường và đối tác; các phòng ban liên quan thuộc Khối Vận hành, Khối Tín dụng, Khối QTRR, Phòng Định chế tài chính Ngân hàng – Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng giao dịch; Khối Công nghệ Thông tin và các Đơn vị khác theo quy định của VPBank tại từng thời điểm.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. Giải thích các chữ viết tắt

- a) **VPBank**: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- b) **GTCG**: là các Giấy tờ có giá.
- c) **ALCO**: Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có của VPBank.
- d) **P.TTTT&QLTK**: Phòng thị trường tiền tệ và Quản lý thanh khoản thuộc Khối Thị trường tài chính.
- e) **HNX**: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- f) **SGDCK**: Sở giao dịch chứng khoán.
- g) **NHNN**: Ngân hàng Nhà nước.
- h) **TPCP**: Trái phiếu Chính phủ.
- i) **TCTD**: Tổ chức tín dụng.
- j) **Phòng NV TTTC**: Phòng Nghiệp vụ thị trường tài chính – Trung tâm Xử lý nghiệp vụ - Khối Vận hành.

¹ Điều 2 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bằng khoản 1 Điều 1 Thông tư 18/2016/TT-NHNN.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

2. Giải thích từ ngữ

- a) **Chuyên viên giao dịch:** Là các chuyên viên thực hiện Giao dịch của P.TTTT&QLTK, Phòng Kinh doanh GTCG và công cụ phái sinh; Phòng Bán sản phẩm Thị trường tài chính Khách hàng Định chế tài chính phi ngân hàng hoặc các chức danh khác được phân công theo các văn bản do Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ.
- b) **Lãnh đạo đơn vị kinh doanh:** Là Trưởng phòng/ phó phòng Phòng TTTT&QLTK; Phòng Kinh doanh GTCG và công cụ phái sinh; Phòng Bán sản phẩm Thị trường tài chính Khách hàng Định chế tài chính phi ngân hàng hoặc các chức danh khác được phân công theo các văn bản do Tổng giám đốc ban hành từng thời kỳ.
- c) **Lãnh đạo Khối Thị trường Tài chính:** Là Giám đốc Khối Thị trường tài chính
- d) **Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch:**

Là cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch tại VPBank, bao gồm:

- Đối với các Giao dịch VPBank cho vay, gửi tiền: Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch được xác định theo Quy định xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của VPBank đối với Khách hàng là định chế tài chính số 1008/2015/QĐi-HĐQT ngày 11/9/2015, Quyết định số 389/2016/QĐ-HĐQT ngày 6/6/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.
- Đối với các Giao dịch VPBank đi vay, nhận tiền gửi:
 - (i) Đại Hội đồng cổ đông, HĐQT: Đối với các trường hợp mà Pháp luật và/hoặc Điều lệ của VPBank quy định giao dịch thuộc phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông hoặc HĐQT phê duyệt.
 - (ii) Tổng Giám Đốc, Giám đốc Khối Thị trường tài chính hoặc người được Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Thị trường tài chính ủy quyền hợp lệ: Đối với các trường hợp không thuộc tiết (i).
- Đối với giao dịch mua repos: tương tự mục (i) và (ii) Khoản d của Điều này
- Đối với giao dịch Reverse repos: Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch được xác định theo Quy định xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của VPBank đối với Khách hàng là định chế tài chính số 1008/2015/QĐi-HĐQT ngày 11/9/2015, Quyết định số 389/2016/QĐ-HĐQT ngày 6/6/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch: Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến giao dịch như: Khách hàng, Lãi suất, kỳ hạn, Ngày giá trị, Ngày đến hạn, Điều chỉnh kỳ trả nợ, Gia hạn, Ngày mua, Ngày mua lại, Giá mua, Giá mua lại, Giá thực hiện, Thay đổi thời gian mua bán lại,....

- e) **Khách hàng/đối tác²:** Là các tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối tác và các khách hàng khác được phép thực hiện hoạt động cho vay, đi vay, gửi tiền,

² Khoản 15 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

nhận tiền gửi; mua/bán GTCG; mua, bán kỳ hạn; mua bán lại giấy tờ có giá với VPBank theo quy định của pháp luật.

- f) **Hạn mức giao dịch³**: Là số dư tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định (tối đa dưới 01 năm) mà VPBank đồng ý cấp/giao dịch với Khách hàng trong từng nghiệp vụ. Thẩm quyền xác định và phê duyệt Hạn mức giao dịch được thực hiện theo các quy định của Pháp luật và của VPBank.
- g) **GTCG⁴**: Là các Giấy tờ có giá được phép giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG và giao dịch mua bán lại GTCG, bao gồm:
- Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước;
 - Trái phiếu Chính phủ;
 - Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - Trái phiếu chính quyền địa phương;
 - Giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- h) **GTCG giao dịch mua bán lại qua HNX⁵**: Là các loại GTCG được giao dịch qua Hệ thống giao dịch Trái phiếu chính phủ của tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, bao gồm Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi là Trái phiếu chính phủ) đã lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết trên HNX.
- i) **Giao dịch cho vay⁶**: Là giao dịch mà VPBank thực hiện giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định (tối đa dưới 1 năm) với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi. Căn cứ vào từng Khách hàng cụ thể mà VPBank có thể quy định việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm đối với khoản vay.
- j) **Giao dịch đi vay⁷**: Là giao dịch mà VPBank vay của Khách hàng một khoản tiền (có áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm, tùy theo thỏa thuận giữa VPBank và Khách hàng) để sử dụng vào một mục đích xác định trong một thời gian nhất định (tối đa dưới 01 năm) với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- k) **Giao dịch gửi tiền⁸**: Là giao dịch mà VPBank gửi tại Khách hàng một khoản tiền trong một thời gian nhất định (tối đa 03 tháng) với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi. Căn cứ vào từng Khách hàng cụ thể mà VPBank có thể quy định việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm đối với giao dịch này.

³ Khoản 14 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN

⁴ Điều 19 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 18/2016/TT-NHNN.

⁵ Điều 15 và Điều 1 Thông tư 234/2012/TT-BTC

⁶ Khoản 1 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

⁷ Khoản 1 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

⁸ Tham khảo Khoản 3 Điều 28 Thông tư 21/2013/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

- l) **Giao dịch nhận tiền gửi**⁹: Là giao dịch mà VPBank nhận gửi của Khách hàng một khoản tiền (có áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm, tùy theo thỏa thuận giữa VPBank và Khách hàng) có kỳ hạn tối đa 03 tháng với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- m) **Giao dịch đối ứng**: Là giao dịch mà VPBank đi vay/nhận gửi 1 loại tiền tệ và cho vay/gửi tiền lại Khách hàng 1 loại tiền tệ khác tương ứng về kỳ hạn và giá trị.
- n) **Giao dịch**: Là Giao dịch cho vay; Giao dịch đi vay; Giao dịch gửi tiền, Giao dịch nhận tiền gửi; Giao dịch mua, bán có kỳ hạn GTCG; Giao dịch mua, bán lại GTCG.
- o) **Lãi phạt chậm chuyển tiền**: Là lãi suất áp dụng khi Bên gửi tiền/Bên cho vay không thực hiện chuyển tiền theo xác nhận giao dịch tại ngày giá trị.
- p) **Thời hạn cho vay/gửi tiền**¹⁰: Là khoản thời gian tính từ ngày tiếp theo của Ngày vay/Ngày gửi tiền đến hết Ngày đến hạn của khoản vay/khoản tiền gửi..
- q) **Ngày vay/Ngày gửi tiền/Ngày giá trị**¹¹: Là ngày Bên cho vay/Bên gửi tiền phải thực hiện nghĩa vụ chuyển tiền cho Bên vay/Bên nhận tiền gửi.
- r) **Ngày đến hạn**¹²: Là ngày Bên vay/Bên nhận tiền gửi phải trả toàn bộ tiền gốc, tiền lãi và các loại phí (nếu có) của khoản vay/khoản tiền gửi cho Bên cho vay/Bên gửi tiền. Trường hợp Ngày đến hạn trùng với ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật thì Ngày đến hạn được tính là Ngày làm việc tiếp theo.
- s) **Gia hạn khoản vay**¹³: Là việc Bên cho vay chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài Thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó trong Hợp đồng cho vay/Xác nhận giao dịch khi Bên vay có đề nghị kéo dài thời hạn trả nợ do không có khả năng trả đầy đủ hoặc một phần nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay đúng thời hạn và được Bên cho vay xem xét, đánh giá là có khả năng trả nợ trong khoảng thời gian gia hạn.
- t) **Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ**¹⁴: Là việc Bên cho vay/Bên gửi tiền và Bên vay/Bên nhận tiền gửi thỏa thuận việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi đã quy định trong Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tiền gửi/Xác nhận giao dịch trên cơ sở đề nghị của Bên vay/Bên nhận tiền gửi và được Bên cho vay/Bên gửi tiền xem xét, đánh giá Bên vay/Bên nhận tiền gửi có khả năng trả nợ/thanh toán tiền gửi theo các kỳ hạn được hai bên thỏa thuận điều chỉnh.
- u) **Chuyển nợ quá hạn**¹⁵: Là việc Bên cho vay chuyển toàn bộ hoặc một phần số dư nợ gốc thành nợ quá hạn do bên vay không trả nợ toàn bộ hoặc một phần nợ gốc và/hoặc

⁹ Tham khảo Khoản 3 Điều 28 Thông tư 21/2013/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

¹⁰ Tham khảo Khoản 3 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

¹¹ Tham khảo Khoản 8 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

¹² Tham khảo Khoản 9 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

¹³ Khoản 16 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

¹⁴ Tham khảo Khoản 17 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

¹⁵ Tham khảo Khoản 18 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

lãi đúng thời hạn mà không được bên cho vay chấp thuận gia hạn hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

- v) **Giao dịch mua, bán có kỳ hạn GTCG¹⁶:** Là giao dịch mà VPBank và Khách hàng mua (bán) và nhận/chuyển quyền sở hữu các loại giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán theo giá thỏa thuận đồng thời hai bên cam kết sẽ bán (mua) lại các loại giấy tờ có giá đó sau một khoảng thời gian nhất định. Theo Quy định này thì Giao dịch mua, bán có kỳ hạn GTCG là giao dịch không thực hiện qua HNX.
- w) **Giao dịch mua bán lại GTCG¹⁷:** Là giao dịch mua, bán GTCG trong đó một bên bán và chuyển giao quyền sở hữu GTCG cho một bên khác, đồng thời cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu GTCG đó sau một thời gian xác định với một mức giá xác định. Giao dịch mua bán lại bao gồm Giao dịch bán (Giao dịch lần 1) và Giao dịch mua lại (Giao dịch lần 2). Trong giao dịch mua bán lại, Bên Bán được hiểu là bên bán trong Giao dịch lần 1, Bên Mua được hiểu là bên mua trong Giao dịch lần 1. Theo Quy định này thì Giao dịch mua bán lại GTCG là giao dịch thực hiện qua HNX.
- x) **Giao dịch repos:** Là Giao dịch mua bán có kỳ hạn/mua bán lại GTCG mà VPBank đóng vai trò là Bên Bán trong Giao dịch lần 1.
- y) **Giao dịch reverse repos:** Là Giao dịch mua bán có kỳ hạn/mua bán lại GTCG mà VPBank đóng vai trò là Bên Mua trong giao dịch lần 1.
- z) **Ngày mua¹⁸:** Là ngày mà GTCG được Bên bán chuyển quyền sở hữu cho Bên mua và Bên mua hoàn thành việc thanh toán tiền mua GTCG cho Bên bán trong giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG.
- aa) **Ngày mua lại¹⁹:** Là ngày mà Bên mua thực hiện chuyển lại quyền sở hữu GTCG đã mua cho Bên bán và Bên bán hoàn thành việc thanh toán tiền mua lại GTCG cho Bên mua trong giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG. Trường hợp Ngày mua lại trùng với ngày nghỉ, ngày lễ thì Ngày mua lại được tính là ngày làm việc tiếp theo.
- bb) **Ngày đặt lệnh:** Là ngày mà Bên bán và Bên mua thực hiện đặt lệnh giao dịch loại GTCG đã niêm yết trên HNX trong giao dịch mua bán lại GTCG.
- cc) **Ngày giao dịch²⁰:** Là ngày GTCG được giao dịch trên hệ thống giao dịch TPCP HNX trong giao dịch mua bán lại GTCG.
- dd) **Ngày thanh toán²¹:** Là ngày mà Bên mua hoặc Bên bán GTCG nhận được GTCG hoặc tiền. Đối với Giao dịch mua bán lại GTCG được niêm yết trên HNX, Ngày thanh toán là ngày sau Ngày giao dịch 01 (một) Ngày làm việc; đối với giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG, Ngày thanh toán chính là Ngày mua và Ngày mua lại.

¹⁶ Khoản 2 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

¹⁷ Khoản 8 Điều 2 Thông tư 234/2012/TT-BTC

¹⁸ Khoản 10 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

¹⁹ Khoản 11 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

²⁰ Khoản 9 Điều 1 Quy chế 55/QĐ-SGDHN ngày 06/03/2013 được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định 595/QĐ-SGDHN ngày 14/09/2015 (“Quy chế 55/QĐ-SGDHN”).

²¹ Khoản 3 Điều 4 Quyết định 211/QĐ-VSD Quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

- ee) **Thời hạn còn lại của GTCG²²**: Là khoảng thời gian tính từ ngày GTCG được mua, bán đến Ngày đến hạn thanh toán toàn bộ gốc của GTCG đó.
- ff) **Lãi suất repos/Lãi suất mua bán lại²³**: Là tỷ lệ phần trăm tính theo năm được dùng làm cơ sở để tính toán giá mua lại/giá trị giao dịch lần 2 trong Hợp đồng mua bán có kỳ hạn/mua bán lại GTCG.
- gg) **Thời hạn mua, bán có kỳ hạn GTCG²⁴**: Là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của Ngày mua đến Ngày mua lại, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và được tính theo ngày.
- hh) **Thay đổi thời hạn giao dịch mua bán lại đã thực hiện²⁵**: Là việc Bên mua và Bên bán thống nhất kéo dài hoặc rút ngắn thời hạn của giao dịch mua bán lại đang có hiệu lực. Việc thay đổi thời hạn giao dịch mua bán lại chỉ được thực hiện sau khi việc thanh toán giao dịch lần một hoàn tất.
- ii) **Mệnh giá**: Là số tiền gốc được in sẵn hoặc ghi trên GTCG phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với GTCG phát hành theo hình thức ghi sổ.
- jj) **Lãi coupon**: Là số tiền lãi mà chủ sở hữu GTCG được hưởng trong thời gian nắm giữ GTCG. Coupon (hay còn gọi là lãi suất cuống phiếu) của GTCG có thể là loại cố định hoặc thả nổi hoặc loại khác theo quy định pháp luật.
- kk) **Giá mua²⁶**: Là số tiền mà Bên mua phải trả cho Bên bán khi thực hiện mua GTCG vào Ngày mua trong giao dịch mua bán kỳ hạn GTCG. Giá mua do hai bên thỏa thuận và là cơ sở để xác định giá mua lại.
- ll) **Giá mua lại²⁷**: Là số tiền mà Bên bán phải trả cho Bên mua khi mua lại GTCG vào Ngày mua lại trong giao dịch mua bán kỳ hạn GTCG.
- mm) **Giá thực hiện²⁸**: Là giá dùng để xác định số tiền phải thanh toán trong các giao dịch mua bán lại GTCG.
- nn) **Tỷ lệ phòng vệ rủi ro²⁹**: Là tỷ lệ phần trăm được chiết giảm hoặc bổ sung trên giá gộp lãi coupon tại thời điểm bắt đầu giao dịch mua bán lại.
- oo) **Hệ thống giao dịch trái phiếu chính phủ³⁰**: Là hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- pp) **FX Trading**: Là hệ thống cung cấp bởi Thomson Reuters phục vụ việc thỏa thuận giao dịch giữa VPBank và các TCTD.

²² Khoản 5 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

²³ Tham khảo Khoản 7 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

²⁴ Khoản 4 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

²⁵ Khoản 1 Điều 38 Quy chế 55/QĐ-SGDHN.

²⁶ Khoản 12 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

²⁷ Khoản 13 Điều 3 Thông tư 21/2012/TT-NHNN.

²⁸ Khoản 4 Điều 2 Thông tư 234/2012/TT-BTC.

²⁹ Điều 31 Thông tư 234/2012/TT-BTC.

³⁰ Khoản 1 Điều 2 Thông tư 234/2012/TT-BTC.

- qq) **Phương thức thỏa thuận giao dịch với Khách hàng:** Là các kênh trung gian Chuyên viên giao dịch có thể sử dụng để giao dịch với Khách hàng, bao gồm điện thoại có ghi âm, skype, email, Reuters Messenger, FX Trading và các phương thức khác được Giám đốc Khối TTTC hoặc người được Giám đốc Khối TTTC ủy quyền phê duyệt.
- rr) **Hình thức xác nhận giao dịch:** Là hình thức VPBank và Khách hàng sử dụng để xác nhận các giao dịch đã thực hiện, bao gồm: Qua SWIFT, Hợp đồng giấy.
- ss) **Hợp đồng:** Là hợp đồng ký khung hoặc hợp đồng ký từng lần theo thỏa thuận giữa VPBank và Khách hàng đối với mỗi Giao dịch. Hợp đồng có thể được in ra từ mạng giao dịch điện tử, được lập bằng bản giấy, qua fax hoặc phương tiện khác được Giám đốc Khối TTTC hoặc người được Giám đốc Khối TTTC ủy quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp quy định của pháp luật. Hợp đồng phải có đủ dấu (trừ trường hợp lập qua hệ thống giao dịch điện tử) và chữ ký (chữ ký tay hoặc chữ ký điện tử).
- tt) **Đơn vị kinh doanh:** Là Phòng Thị trường Tiền tệ và Quản lý Thanh khoản; Phòng kinh doanh Trái phiếu Chính phủ và công cụ phái sinh; Phòng Bán sản phẩm Thị trường tài chính Khách hàng Định chế tài chính phi ngân hàng thuộc Khối Thị trường Tài chính.

Điều 3. Điều kiện thực hiện giao dịch³¹

1. VPBank thực hiện giao dịch khi:

- a) Tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi; mua, bán có kỳ hạn/mua bán lại GTCG giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- b) Có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với các hoạt động cho vay, đi vay (tối thiểu bao gồm quy định về đánh giá tín nhiệm khách hàng, quy trình xác định hạn mức cho vay, quy trình thực hiện giao dịch cho vay, đi vay áp dụng đối với từng hình thức thực hiện giao dịch cụ thể) và mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với quy định pháp luật;
- c) Không bị Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp hạn chế, đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm thực hiện giao dịch.
- d) Tại thời điểm thực hiện giao dịch đi vay, VPBank không được có các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, trừ khi VPBank thuộc các trường hợp sau đây:
 - TCTD được kiểm soát đặc biệt được thực hiện giao dịch theo Phương án cùng cơ cấu tổ chức và hoạt động của TCTD được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt;
 - TCTD đang trong quá trình tái cơ cấu được thực hiện giao dịch theo Phương án tái cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tổ chức tín dụng đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt (nếu có).

³¹ Tham khảo Điều 4 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bằng khoản 2 Điều 1 Thông tư 18/2016/TT-NHNN

2. Điều kiện khách hàng thực hiện giao dịch: đảm bảo tuân thủ các yêu cầu theo quy định pháp luật về hoạt động cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi; mua bán có kỳ hạn/mua bán lại GTCG giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện giao dịch

1. Các hoạt động cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá, mua bán lại giấy tờ có giá được thực hiện trên cơ sở nhu cầu thanh toán, cân đối vốn của Ngân hàng nhằm bù đắp thiếu hụt tạm thời dự trữ bắt buộc, khả năng chi trả và kinh doanh vốn bảo đảm thanh khoản cho toàn hệ thống VPBank.
2. Khi thực hiện Giao dịch cho vay, Giao dịch đi vay, Giao dịch gửi tiền, Giao dịch nhận tiền gửi, Giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG với Khách hàng, Chuyên viên giao dịch phải đảm bảo:
 - a) Giao dịch cho vay, Giao dịch đi vay, Giao dịch gửi tiền, Giao dịch nhận tiền gửi, giao dịch mua bán lại, giao dịch mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá chỉ được thực hiện tại Trụ sở chính (Hội sở chính) của VPBank trừ một số hoạt động nếu Hội sở chính được phép ủy quyền bằng văn bản cho chi nhánh thực hiện sẽ được thực hiện tại chi nhánh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - b) Tuân thủ hạn mức giao dịch với Khách hàng được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền theo từng thời kỳ. Việc xác định hạn mức giao dịch được thực hiện căn cứ theo Quy định xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của VPBank đối với khách hàng là Định chế tài chính số 1008/2015/QĐĐi-HĐQT ban hành ngày 11/09/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế trong từng thời kỳ.
 - c) Tuân thủ các hạn mức rủi ro thị trường tại Quy định về hệ thống hạn mức rủi ro thị trường và thẩm quyền phê duyệt số 23/2013/QĐĐi-HĐQT ban hành ngày 09/01/2013 và các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế trong từng thời kỳ.
 - d) Tính an toàn, tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank trong từng thời kỳ.
 - e) Hoạt động của Đơn vị kinh doanh phải hoàn toàn độc lập với các đơn vị sau: Đơn vị kiểm soát rủi ro (Khối Quản trị rủi ro), đơn vị vận hành (Trung Tâm xử lý nghiệp vụ – Khối vận hành).
 - f) Tuân thủ các quy định của Ngân hàng nhà nước về các điều kiện khi tham gia Giao dịch cho vay, Giao dịch đi vay, Giao dịch gửi tiền, Giao dịch nhận tiền gửi, Giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG, mua bán lại GTCG.

Điều 5. Quản lý rủi ro khi thực hiện giao dịch

1. Các loại rủi ro cần nhận diện và quản lý: Rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro về thanh khoản, rủi ro về thanh toán, rủi ro về tín dụng và rủi ro hoạt động. Các loại rủi ro này tuân thủ theo các quy định sau:
 - a) Quy định về hệ thống hạn mức rủi ro thị trường tại VPBank và thẩm quyền phê duyệt theo quyết định số 23/2013/QĐĐi-HĐQT, ban hành ngày 09/01/2013 và các văn bản sửa

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

đổi bổ sung từng thời kỳ.

- b) Quy định về Chính sách quản trị rủi ro hoạt động tại VPBank số 182/2013/QĐ-HĐQT, ban hành ngày 05/03/2013 và các văn bản sửa đổi bổ sung từng thời kỳ.
 - c) Quy định về Chính sách Quản trị rủi ro thanh khoản của VPBank số 448/2013/CS-HĐQT, ban hành ngày 20/06/2013 và các văn bản sửa đổi bổ sung từng thời kỳ.
 - d) Các quy định khác có liên quan theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ
2. Để quản lý các loại rủi ro khi thực hiện các Giao dịch, các Hạn mức giao dịch cấp cho Khách hàng (bao gồm hạn mức không có tài sản bảo đảm, hạn mức có tài sản bảo đảm), hạn mức về chênh lệch dòng tiền, hạn mức giao dịch của Chuyên viên giao dịch và các loại hạn mức rủi ro thị trường khác phải được các đơn vị liên quan xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền theo quy định của VPBank.

Điều 6. Trích lập dự phòng rủi ro đối với các Giao dịch

Việc phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các Giao dịch cho vay/gửi tiền và mua bán có kỳ hạn GTCG được thực hiện theo:

- 1. Quy định về việc Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tại VPBank số 1636/2014/QĐi-HĐQT, ban hành ngày 03/10/2014 và văn bản sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ.
- 2. Quyết định về Quy trình trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng tại VPBank số 07/2016/QT-TGĐ, ban hành ngày 29/01/2016 và văn bản bổ sung từng thời kỳ.

Điều 7. Phương thức thỏa thuận, thực hiện và xác nhận giao dịch

1. Thỏa thuận giao dịch

a) Phương thức thỏa thuận giao dịch

- Chuyên viên giao dịch có thể thực hiện tìm hiểu nhu cầu và thỏa thuận giao dịch với khách hàng thông qua các hệ thống chat của Reuters Messenger, skype, qua email, điện thoại có ghi âm, FX Trading hoặc phương thức thực hiện khác được Lãnh đạo Khối Thị trường tài chính hoặc người được Lãnh đạo Khối Thị trường tài chính ủy quyền phê duyệt.
- Việc thực hiện thỏa thuận bằng FXTrading chỉ được thực hiện trong trường hợp VPBank và đối tác đã ký Hợp đồng khung trong đó có thỏa thuận về hình thức giao dịch này.

b) Nội dung thỏa thuận giao dịch

Dữ liệu thông tin cơ bản nhưng không giới hạn:

Giao dịch cho vay/đi vay/ gửi tiền/nhận tiền gửi	Giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG/Mua bán lại GTCG
- Tên của Khách hàng Giao dịch	- Tên của Khách hàng Giao dịch

- Ngày thực hiện giao dịch	- Ngày thực hiện giao dịch
- Nội dung giao dịch	- Nội dung giao dịch
- Giá trị giao dịch: Số tiền, loại tiền	- Loại GTCG và khối lượng GTCG giao dịch - Lãi suất giao dịch
- Lãi suất giao dịch, lãi suất phạt quá hạn, lãi suất chậm thanh toán (nếu có)	- Thời hạn mua, bán; Ngày mua, Ngày mua lại; Ngày thanh toán
- Thời hạn giao dịch	- Giá mua, giá mua lại
- Ngày vay/ Ngày gửi tiền/ Ngày đến hạn	- Ngày đặt lệnh (áp dụng đối với GTCG niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán).
- Biện pháp bảo đảm (nếu có)	- Phương thức thanh toán và chuyển giao GTCG; đại lý đặt lệnh
- Phương thức thanh toán	- Biện pháp bảo đảm và/hoặc Tỷ lệ phòng vệ rủi ro (nếu có)
- Các thông tin giao dịch khác (nếu có)	- Các thông tin giao dịch khác nếu có

- Sau khi thỏa thuận Giao dịch, Chuyên viên giao dịch phải nhập giao dịch vào hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin của VPBank và in Phiếu giao dịch, chậm nhất là 30 phút sau khi đã thỏa thuận thông tin giao dịch với Khách hàng. Hồ sơ giao dịch sau khi đã được phê duyệt của Cấp có thẩm quyền sẽ được chuyển cho Phòng NV TTTC xử lý theo quy trình từng thời kỳ.
- Thời gian xử lý Giao dịch: các phòng ban phải tuân thủ theo cam kết SLA hiện hành để đảm bảo giao dịch được xử lý kịp thời.

2. Hình thức xác nhận giao dịch

- Trên cơ sở các phương tiện thỏa thuận như nêu tại khoản 1, Điều này, tất cả các Giao dịch phải được xác nhận lại bằng SWIFT hoặc bằng văn bản (Hợp đồng) phù hợp với Quy định của Pháp luật và Quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

Lưu ý: Xác nhận qua SWIFT chỉ được thực hiện khi hai bên đã ký Hợp đồng khung. Nội dung của Hợp đồng khung và xác nhận qua SWIFT đảm bảo đủ (bao gồm nhưng không giới hạn) bởi các nội dung của Hợp đồng giao dịch quy định tại Khoản 3 Điều này.

- Trường hợp hai bên xác nhận giao dịch qua Hợp đồng, các bên sử dụng mẫu Hợp đồng theo mẫu của VPBank hoặc mẫu Hợp đồng của Khách hàng đã được Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ kiểm soát và tư vấn về mặt pháp lý. Hợp đồng phải có chữ

ký của đại diện hợp pháp của các Bên và đóng dấu đầy đủ.

3. Hợp đồng giao dịch

- a) Hợp đồng cho vay/ đi vay/gửi tiền/ nhận tiền gửi bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung cơ bản sau:
- Bên vay/Bên cho vay/Bên gửi/Bên nhận gửi;
 - Ngày thực hiện giao dịch, Ngày đến hạn giao dịch;
 - Phương thức cho vay, đi vay, gửi tiền;
 - Số tiền, loại tiền;
 - Lãi suất cho vay/gửi tiền;
 - Thời hạn cho vay, gửi tiền;
 - Phương thức thanh toán;
 - Hình thức bảo đảm của khoản vay/khoản tiền gửi (nếu có);
 - Quyền và nghĩa vụ các bên;
 - Quy định về xử lý tranh chấp, xử phạt quá hạn, xử lý tài sản đảm bảo (nếu có), gia hạn hợp đồng;
 - Những quy định về điều chỉnh nội dung hợp đồng trong quá trình thực hiện;
 - Các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay/khoản tiền gửi của các bên.
- b) Hợp đồng mua, bán có kỳ hạn GTCG; mua bán lại GTCG phải bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
- Bên mua, Bên bán;
 - Giấy tờ có giá được mua, bán: hình thức (chứng chỉ, ghi sổ), số seri, mệnh giá hoặc giá trị đến hạn thanh toán, tổ chức phát hành, ngày đến hạn thanh toán của GTCG, lãi suất coupon của GTCG (nếu có);
 - Ngày mua/ Ngày giao dịch lần 1, Giá mua/Giá thực hiện giao dịch lần 1;
 - Lãi suất mua, bán;
 - Thời hạn mua, bán;
 - Ngày mua lại (Ngày giao dịch lần 2), Giá mua lại/Giá thực hiện giao dịch lần 2;
 - Tỷ lệ phòng vệ rủi ro (nếu có);
 - Phương thức thanh toán và chuyển giao GTCG;
 - Xử lý tranh chấp và vi phạm hợp đồng;
 - Quyền và nghĩa vụ của các bên;
 - Ngày giá trị của Hợp đồng;
 - Các nội dung liên quan khác theo thỏa thuận của các Bên.

Điều 8. Thời gian thực hiện Giao dịch với Khách hàng

1. Thời gian thực hiện với Khách hàng:
 - a) Từ 8 giờ đến 17 giờ 30 phút mỗi Ngày làm việc từ Thứ hai đến Thứ sáu. Riêng Thứ 7 từ 8 giờ sáng đến 12 giờ; hoặc
 - b) Thời gian khác theo quy định khác của VPBank trong từng thời kỳ.
2. Tùy theo đồng tiền giao dịch mà thời gian giao dịch có thể kết thúc sớm hơn cho phù hợp với khả năng thanh toán của VPBank.
3. Trong trường hợp đặc biệt có phát sinh các giao dịch ngoài giờ thì Chuyên viên giao dịch của các Đơn vị kinh doanh phải báo ngay cho Lãnh đạo Đơn vị kinh doanh hoặc Lãnh đạo Khối Thị trường tài chính và các đơn vị liên quan để cùng phối hợp xử lý.
4. Các quy định liên quan khác (nếu có) thực hiện theo văn bản hiện hành của VPBank và NHNN.

Điều 9. Thanh toán giao dịch

1. Thực hiện thanh toán theo đúng chỉ dẫn trên Xác nhận giao dịch. Đối với các giao dịch bằng VNĐ, các giao dịch thực hiện thanh toán qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trừ trường hợp các giao dịch phát sinh ngoài giờ hoạt động của Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng hoặc các giao dịch chuyển tiền trả nợ gốc, lãi của khoản tiền vay/nhận tiền gửi hoặc các giao dịch không thực hiện việc chuyển tiền gốc của khoản vay³². Việc chuyển tiền để thực hiện giao dịch mua bán lại GTCG đã niêm yết tại HNX được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Các lệnh thanh toán phải đảm bảo tuân thủ giờ Cut off-time từng loại tiền tệ, theo kênh thanh toán và đảm bảo SLAs của VPBank từng thời kỳ.
3. Đảm bảo có đủ nguồn vốn để thực hiện thanh toán.
4. Đối với thực hiện xác nhận qua SWIFT, trước khi thực hiện giao dịch phải đảm bảo đối chiếu khớp đúng giữa các thông tin giao dịch trên điện xác nhận về của Khách hàng và điện xác nhận gửi đi cho Khách hàng.
5. Đối với thực hiện xác nhận qua văn bản (Hợp đồng), trước khi thực hiện giao dịch phải đảm bảo kiểm tra đầy đủ mẫu dấu, chữ ký và thẩm quyền ký kết của Khách hàng theo quy định của VPBank trong từng từng thời kỳ.

Điều 10. Quy định về hạch toán và lưu trữ chứng từ

1. Việc hạch toán kế toán tuân thủ theo quy định về nguyên tắc kế toán của NHNN và các văn bản, hướng dẫn của VPBank ban hành từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Việc lưu trữ chứng từ tuân thủ theo quy định về lưu trữ của NHNN và VPBank theo từng thời kỳ.

³² Khoản 3 Điều 5 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

Điều 11. Quy trình thực hiện

Quy trình chi tiết về thủ tục, các bước thực hiện các giao dịch thuộc quy định này sẽ được quy định trong các quy trình liên quan.

Điều 12. Thông tin giao dịch và chế độ báo cáo

1. Mọi giao dịch đều phải được cập nhật và lưu lại đầy đủ trên cơ sở dữ liệu thông tin của VPBank. Dữ liệu thông tin cơ bản cần lưu như tại Điểm b mục 1, Điều 7 của Quy định này.
2. VPBank thực hiện báo cáo tình hình hoạt động đi vay, cho vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua-bán có kỳ hạn GTCG theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của NHNN, HNX và pháp luật có liên quan³³.
3. VPBank có trách nhiệm báo cáo ngay bằng văn bản về Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng - NHNN nếu khi đến hạn trả nợ mà Bên vay/Bên nhận tiền gửi không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ theo cam kết³⁴.

Điều 13. Hủy giao dịch

1. Giao dịch sau khi đã xác nhận theo quy định tại Điều 7 Quy định này về nguyên tắc là không hủy ngang.
2. Việc hủy Giao dịch sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Ngân hàng. Do vậy, chỉ những trường hợp bất khả kháng mới được hủy Giao dịch và phải có sự phê duyệt bằng email/văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch đồng thời phải báo ngay cho Phòng Quản trị rủi ro thị trường và các đơn vị liên quan để kịp thời xử lý và cập nhật lại thông tin Hạn mức giao dịch.

Điều 14. Cung cấp thông tin lãi suất tham chiếu

1. Theo Chính sách điều chuyển vốn nội bộ (FTP) hiện hành, Phòng Thị trường tiền tệ và Thanh khoản có trách nhiệm cung cấp tất cả các lãi suất tham chiếu của tất cả các ngân hàng mà các Chuyên viên giao dịch thu thập được hàng ngày cho Phòng Quản lý Bảng cân đối (BSM).
2. Chuyên viên giao dịch là người chịu trách nhiệm trong việc liên hệ và cập nhật các mức lãi suất tham chiếu của tất cả các ngân hàng nêu tại Khoản 1 Điều này vào bảng lãi suất hàng ngày một cách trung thực, chính xác để đảm bảo lợi ích các bộ phận kinh doanh liên quan của toàn Ngân hàng.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ NGHIỆP VỤ CHO VAY/ĐI VAY, GỬI TIỀN/NHẬN TIỀN GỬI

Điều 15. Hình thức bảo đảm đối với Giao dịch

1. VPBank và Khách hàng có thể thỏa thuận áp dụng hoặc không áp dụng hình thức bảo đảm đối với Giao dịch trong từng trường hợp cụ thể. Việc áp dụng hình thức bảo đảm và xử lý

³³ Điều 26 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung và Điều 9 Thông tư 234/2012/TT-BTC

³⁴ Khoản 2 Điều 16 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư 18/2016/TT-NHNN.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

tài sản bảo đảm trong quá trình Giao dịch được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank trong từng thời kỳ.

2. Trường hợp VPBank nhận tài sản đảm bảo: Các loại TSBĐ VPBank được phép nhận tuân thủ theo quy định 1008/2015/QĐ-HĐQT ngày 11/09/2015 quy định về việc xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của VPBank đối với Khách hàng là Định chế tài chính, Quy định 10/2015/QĐ-TGD ngày 5/2/2015 quy định nhận tài sản bảo đảm là Giấy tờ có giá và các văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ.
3. Trường hợp VPBank đi cầm cố/thế chấp tài sản:
 - a) Các loại tài sản của VPBank được cầm cố/thế chấp tại Khách hàng khác:
 - Tiền gửi có kỳ hạn của VPBank tại các TCTD;
 - Tín phiếu NHNN;
 - Trái phiếu Chính phủ;
 - Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - Trái phiếu Chính quyền địa phương;
 - Giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành theo quy định của NHNN;
 - Các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành.
 - Loại GTCG thuộc danh mục GTCG được phép giao dịch theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ
 - b) Tại thời điểm cầm cố/thế chấp, việc cầm cố/thế chấp tài sản của VPBank tại Khách hàng phải đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động theo quy định nội bộ và quy định của Ngân hàng nhà nước.
 - c) Tài sản đảm bảo đi cầm cố/thế chấp phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Quy chế về chế độ tài chính của VPBank số 497/2015/QC-HĐQT ngày 18/6/2015, Quyết định 1104/2015/QĐ-HĐQT ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung Quyết định số 497/2015/QC-HĐQT và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ và các quy định khác (nếu có) của VPBank trong từng thời kỳ.
 - d) Hợp đồng cầm cố và các văn kiện liên quan về tài sản đảm bảo được ký kết giữa VPBank và Khách hàng nếu không theo mẫu của VPBank phải được tham vấn ý kiến của Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ của VPBank.

Điều 16. Đồng tiền giao dịch

Đồng tiền cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi trên cơ sở phù hợp với pháp luật. Việc cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ phải được thực hiện trên cơ sở phạm vi hoạt động ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước cho phép đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài³⁵.

Điều 17. Thời hạn cho vay/đi vay, gửi tiền/nhận tiền gửi

³⁵ Điều 14 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

1. Thời hạn cho vay/đi vay: Dưới 1 năm³⁶
2. Thời hạn gửi tiền/nhận tiền gửi: Tối đa 3 tháng³⁷

Điều 18. Phương thức tính lãi, Cơ sở tính lãi, hình thức trả tiền lãi

1. VPBank và Khách hàng có thể thỏa thuận một trong các cơ sở tính lãi, hình thức trả lãi và phương thức tính lãi theo khoản khoản 2, 3, 4 Điều này để áp dụng đối với từng Giao dịch cụ thể trên cơ sở phù hợp với thông lệ thị trường, quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định của VPBank trong từng thời kỳ và được phê duyệt bởi Cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dịch.

2. Phương thức tính lãi

- a) Lãi suất cố định: Lãi suất được cố định trong suốt Thời hạn cho vay/Kỳ hạn gửi tiền
- b) Lãi suất thả nổi: Lãi suất không cố định trong suốt Thời hạn cho vay/Kỳ hạn gửi tiền và được điều chỉnh định kỳ trên cơ sở lãi suất tham chiếu và biên độ điều chỉnh hoặc cơ chế khác theo thỏa thuận giữa VPBank và Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.
- c) Lãi suất điều chỉnh định kỳ: Lãi suất được cố định trong một khoảng thời gian nhất định và sau khoảng thời gian đó sẽ được điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận giữa VPBank và Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Cơ sở tính lãi

- a) Ngày thực tế/360: Tiền lãi được tính trên cơ sở 1 năm có 360 ngày;
- b) 360/360: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm có 12 tháng. Một tháng có 30 ngày
- c) Các cơ sở tính lãi khác theo thỏa thuận giữa VPBank với Khách hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

4. Hình thức trả lãi³⁸

- a) Lãi trả một lần vào đầu kỳ: Toàn bộ tiền lãi được bên đi vay/nhận gửi thanh toán cho bên cho vay/ đặt gửi tại Ngày vay/ Ngày gửi tiền;
- b) Lãi trả một lần vào cuối kỳ: Toàn bộ tiền lãi được bên đi vay/nhận gửi thanh toán cho bên cho vay/ đặt gửi vào Ngày đến hạn của Giao dịch;
- c) Lãi trả định kỳ: Tiền lãi được bên đi vay/nhận gửi thanh toán cho bên cho vay/ bên gửi tiền định kỳ vào các thời điểm trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng giao dịch theo thỏa thuận cụ thể giữa hai bên;
- d) Hình thức khác tùy theo thỏa thuận giữa VPBank và Khách hàng, phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm giao dịch.

Điều 19. Lãi suất quá hạn, Lãi suất chậm trả với số tiền lãi, Gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

³⁶ Điều 10 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

³⁷ Khoản 3 Điều 28 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

³⁸ Điều 3 Quyết định 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/05/2001.

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

1. Lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả với lãi tiền vay/tiền gửi, lãi suất khác (nếu có), mức phạt vi phạm và phương thức phạt vi phạm được quy định cụ thể tại Hợp đồng giao dịch giữa VPBank và Khách hàng theo nguyên tắc sau:
 - a) Lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn theo Hợp đồng vay/Hợp đồng tiền gửi đó.
 - b) Lãi suất áp dụng đối với số tiền lãi vay/lãi tiền gửi chậm trả tối đa không quá 10%/năm.
 - c) Lãi phạt chậm chuyển tiền, lãi suất tất toán trước hạn do VPBank và Khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật.
2. **Gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, tất toán trước hạn**
 - a) Việc gia hạn, Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - b) Tùy theo nhu cầu của VPBank và Khách hàng mà giao dịch có thể được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ một phần hoặc toàn bộ khoản vay/khoản tiền gửi nhưng phải đảm bảo tổng thời gian cho vay/gửi tiền ban đầu và thời gian gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ không quá thời hạn 3 tháng đối với giao dịch tiền gửi và dưới 1 năm đối với giao dịch tiền vay.
 - c) Tùy theo nhu cầu của VPBank và Khách hàng mà giao dịch có thể được tất toán trước hạn một phần hoặc toàn bộ khoản vay/ khoản tiền gửi. Việc tất toán trước hạn phải có thống nhất bằng văn bản của hai bên tham gia giao dịch.
 - d) Trường hợp đến hạn thanh toán nhưng bên vay/bên nhận tiền gửi không trả nợ được một phần hoặc toàn bộ gốc và/hoặc lãi, và không được VPBank gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì VPBank chuyển số dư nợ gốc của khoản vay thành nợ quá hạn theo quy định pháp luật.
 - e) Việc gia hạn phải được xác nhận bằng xác nhận giao dịch gia hạn theo đúng các nguyên tắc về xác nhận Giao dịch ở Điều 7 nêu trên.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm liên quan đến các Giao dịch giữa VPBank và Khách hàng thực hiện theo quy định tại Hợp đồng theo nguyên tắc như sau:

1. Đối với các Giao dịch không áp dụng biện pháp bảo đảm: Khi Khách hàng hoặc VPBank vi phạm các nghĩa vụ, cam kết ghi trong Hợp đồng Giao dịch thì các bên sẽ thỏa thuận giải quyết tranh chấp trên cơ sở thương lượng, hòa giải và/hoặc giải quyết tranh chấp tại các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tùy thuộc vào thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng.
2. Đối với các giao dịch đối ứng hay có áp dụng biện pháp bảo đảm: Khi khách hàng hoặc VPBank vi phạm các nghĩa vụ, cam kết ghi trong Xác nhận giao dịch hoặc Hợp đồng Giao dịch thì hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết tranh chấp trên cơ sở thương lượng và/hoặc hòa giải tùy thuộc thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng. Nếu không thương lượng và/hoặc hòa giải được thì bên bị vi phạm có quyền sử dụng khoản giao dịch đối ứng hoặc tiến hành xử

lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng giao dịch, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản, thỏa thuận có liên quan giữa các bên.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ NGHIỆP VỤ MUA, BÁN CÓ KỲ HẠN GIẤY TỜ CÓ GIÁ; MUA BÁN LẠI GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 21. GTCG trong nghiệp vụ mua, bán có kỳ hạn, mua bán lại của VPBank³⁹

1. Các loại GTCG VPBank được phép giao dịch bao gồm

- a) Tín phiếu NHNN;
- b) Trái phiếu Chính phủ;
- c) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
- d) Trái phiếu Chính quyền địa phương;
- e) GTCG do TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài phát hành theo quy định của NHNN.

2. Điều kiện đối với các loại GTCG trong giao dịch của VPBank⁴⁰:

- a) Được phát hành hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và được phép chuyển nhượng;
- b) Được phát hành bằng Đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật.
- c) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên bán; không có tranh chấp, không có khiếu nại, khiếu kiện tranh chấp về quyền sở hữu, không bị phong tỏa, không được sử dụng để cầm cố, chiết khấu, bảo đảm cho nghĩa vụ khác của Khách hàng hoặc bên thứ ba.
- d) Được phép giao dịch (mua, bán, cho, tặng, chuyển đổi, chuyển nhượng, cầm cố, bảo lãnh và các giao dịch hợp pháp khác);
- e) Kỳ hạn còn lại của GTCG phải lớn hơn thời hạn mua, bán có kỳ hạn của giao dịch.
- f) Được thanh toán theo quy định của tổ chức phát hành.

3. Khối lượng tối thiểu trong giao dịch mua bán lại⁴¹

Đối với giao dịch mua bán lại được thực hiện trên HNX thì có thể dùng nhiều mã GTCG trong một giao dịch mua bán lại với khối lượng tối thiểu là 100 GTCG đối với từng mã GTCG.

4. Đồng tiền mua, bán

Giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG, mua bán lại GTCG được thực hiện bằng VNĐ.

Điều 22. Thời hạn mua, bán có kỳ hạn, mua bán lại GTCG, Thay đổi thời gian mua bán lại, mua bán có kỳ hạn GTCG

1. Đối với giao dịch mua, bán lại GTCG:

- a) Thời hạn giao dịch mua bán lại được tính theo số ngày thực tế kể từ ngày thanh toán

³⁹ Điều 19 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bằng Khoản 7 Điều 1 Thông tư 18/2016/TT-NHNN.

⁴⁰ Tham khảo Khoản 2 Điều 20 Thông tư 21/2012/TT-NHNN

⁴¹ Điều 17 Quy chế 55/QĐ-SGDHN

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

của giao dịch lần một đến ngày thanh toán của giao dịch lần hai. Thời hạn giao dịch mua bán lại tối thiểu là 02 (hai) ngày và tối đa là 180 ngày⁴².

- b) Giao dịch lần 2 trong giao dịch mua bán lại phải kết thúc tối thiểu là 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để tất toán vốn gốc/lãi trái phiếu và hủy niêm yết đối với GTCG sử dụng trong giao dịch;
- c) Thời hạn giao dịch mua bán lại thay đổi theo Quyết định của SGDC KHN từng thời kỳ.

2. Đối với giao dịch mua, bán có kỳ hạn: Tối thiểu là 01 ngày và tối đa là dưới 01 năm⁴³.

3. Thay đổi thời gian mua bán có kỳ hạn⁴⁴

Việc thay đổi thời hạn giao dịch mua bán có kỳ hạn tùy theo thỏa thuận giữa VPBank và Khách hàng, tuy nhiên phải đảm bảo tổng thời gian giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG tối đa là dưới 1 năm.

4. Thay đổi thời gian mua bán lại⁴⁵

- a) Bên Mua và Bên Bán có thể thống nhất kéo dài hoặc rút ngắn thời hạn của giao dịch mua bán lại đang có hiệu lực. Việc thay đổi thời hạn giao dịch mua bán lại chỉ được thực hiện sau khi việc thanh toán giao dịch lần một hoàn tất.
- b) Thời hạn giao dịch mua bán lại sửa đổi (thời hạn giao dịch mua bán lại mới) phải có thời hạn tối thiểu là 5 ngày. Thời hạn này được tính từ thời điểm sửa gần nhất tới ngày thanh toán giao dịch mua bán lại mới.
- c) Việc sửa đổi thời gian giao dịch mua bán lại sẽ chỉ tính toán những ảnh hưởng tới giá trị giao dịch lần 2. Khi thời hạn giao dịch mua bán lại bị thay đổi, tại thời điểm thực hiện thay đổi, giá trị giao dịch mua bán lại lần hai mới được tính toán lại dựa trên các thành phần sau:
 - Nghĩa vụ phải trả lãi mua bán lại tính tới thời điểm thực hiện sửa thời hạn mua bán lại.
 - Giá trị giao dịch mua bán lại được thống nhất gần nhất.
 - Lãi mua bán lại mới tính trên phần thời hạn từ lần sửa đổi thời hạn mới nhất tới thời điểm thanh toán giao dịch mua bán lại.
 - Lãi coupon và lãi trên lãi coupon (nếu có).
- d) Lãi suất trên lãi coupon (nếu có) được phép sửa khi thay đổi thời hạn mua bán lại và sẽ được tính thống nhất trong toàn bộ thời hạn mua bán lại từ thời điểm thanh toán giao dịch mua bán lại lần một (đầu tiên) tới thời điểm thanh toán giao dịch lần hai của giao dịch mua bán lại sửa đổi (cuối cùng).

⁴² Khoản 1, khoản 2 Điều 28 Thông tư 234/2012/TT-BTC về Hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

⁴³ Điều 22 Thông tư 21/2012/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung bằng Thông tư 01/2013/TT-NHNN.

⁴⁴ Tham khảo Khoản 5 Điều 25 Thông tư 21/2012/TT-NHNN

⁴⁵ Điều 38, điều 39 Quyết định 55/QĐ-SGDHN.

- e) Thời gian mua bán lại theo khoản này có thể được thay đổi theo quy định của SGDHN.

Điều 23. Lãi suất, Cơ sở tính lãi

1. Lãi suất: Lãi suất áp dụng trong giao dịch mua bán có kỳ hạn, mua bán lại GTCG giữa VPBank và Khách hàng thực hiện theo phương thức tự thỏa thuận trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của VPBank, Ngân hàng Nhà nước về lãi suất;
2. Cơ sở tính lãi trong giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG, giao dịch mua bán lại GTCG
 - a) Ngày thực tế/Ngày thực tế: Tiền lãi được tính trên cơ sở 1 năm là số ngày thực tế trong năm; và
 - b) Các cơ sở tính lãi khác theo thỏa thuận giữa VPBank với Khách hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 24. Nguyên tắc xác định giá mua, giá mua lại, giá thực hiện trong giao dịch mua bán có kỳ hạn, mua bán lại GTCG

1. VPBank và Khách hàng thỏa thuận giá mua, giá mua lại cho từng giao dịch trên cơ sở lãi suất mua, thời hạn mua, bán đã thỏa thuận, thời hạn còn lại của giấy tờ có giá và các thông tin có liên quan khác.
2. Giá mua lại trong giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG được tính theo công thức sau:
$$\text{Giá mua lại} = \text{Giá mua} \times (1 + \text{Lãi suất repos} \times \text{Thời hạn mua, bán có kỳ hạn} / \text{Số ngày thực tế của năm thực hiện giao dịch})^{46}$$
3. Giá thực hiện trái phiếu trong giao dịch mua bán lại GTCG được Đơn vị kinh doanh tính toán và xác định trên Hệ thống giao dịch của Sở giao dịch HNX nơi GTCG được niêm yết trên cơ sở phù hợp với quy định của HNX và pháp luật liên quan.
4. Thu nhập từ GTCG trong thời hạn mua bán lại⁴⁷
 - a) Quyền hưởng lãi coupon và các thu nhập liên quan (nếu có) từ TPCP trong giao dịch mua bán lại thuộc về bên Bán.
 - b) Trong trường hợp bên Mua nhận được lãi coupon tại (các) thời điểm nằm trong thời hạn của giao dịch mua bán lại, bên Mua có trách nhiệm trả lại bên Bán số lãi coupon đã nhận được. Nếu việc hoàn trả lãi coupon phát sinh thực hiện bên ngoài hệ thống giao dịch, thời điểm hoàn trả lãi coupon sẽ do hai bên tự thống nhất nhưng không được muộn hơn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thực thanh toán lãi trái phiếu. Nếu việc hoàn trả lãi coupon phát sinh thực hiện qua hệ thống giao dịch, thời điểm hoàn trả là khi giao dịch mua bán lại kết thúc. Nếu hoàn trả lãi coupon qua hệ thống giao dịch, tại thời điểm bắt đầu thực hiện giao dịch mua bán lại, hai bên tự thỏa thuận với nhau về lãi suất (nếu có) tính trên phần lãi coupon phát sinh.

⁴⁶ Điều 8 Khoản 1 Thông tư 18/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016

⁴⁷ Điều 32 Thông tư 234/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012

Điều 25. Phương thức thực hiện giao dịch

1. Thời gian giao dịch

a) Đối với GTCG được niêm yết và giao dịch thông qua Hệ thống HNX

HNX tổ chức giao dịch từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động và những ngày nghỉ giao dịch theo quy định của cơ quan quản lý.

Thời gian phiên giao dịch trong ngày như sau:

- Phiên buổi sáng từ 8h30 đến 11h00; phiên buổi chiều từ 13h00 đến 14h15 hoặc
- Thời gian khác theo quy định của HNX trong từng thời kỳ.

b) Đối với GTCG chưa niêm yết

Bên Mua và Bên Bán thỏa thuận, xác nhận giao dịch mua bán có kỳ hạn trên cơ sở Văn bản xác nhận giao dịch. Việc thanh toán và chuyển giao quyền sở hữu GTCG tuân thủ quy định của Tổ chức phát hành và (hoặc) Đại lý lưu ký (nếu có).

2. Chuyển giao GTCG:

Việc chuyển giao GTCG giữa Bên bán và Bên mua được thực hiện như sau:

a) Đối với GTCG được niêm yết và giao dịch thông qua HNX

- Việc chuyển giao GTCG được thực hiện thông qua Quy chế Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- GTCG sau khi giao dịch sẽ được VSD thực hiện bù trừ theo từng loại GTCG và ghi nhận trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD.

b) Đối với GTCG chưa niêm yết⁴⁸

Việc chuyển giao GTCG trong giao dịch mua bán có kỳ hạn GTCG chưa niêm yết được thực hiện theo quy trình nghiệp vụ và thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Đối với giấy tờ có giá là chứng chỉ không ghi danh: các bên trực tiếp giao nhận giấy tờ có giá cho nhau;
- Đối với giấy tờ có giá là chứng chỉ ghi danh: Bên bán giao cho bên mua đồng thời làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bên mua theo quy định của pháp luật có liên quan và tổ chức phát hành;
- Đối với giấy tờ có giá ghi sổ: Bên bán chuyển giao giấy chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua đồng thời làm thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua theo quy định của pháp luật có liên quan và tổ chức phát hành;
- Trường hợp giấy tờ có giá đang được lưu ký, bên bán có thể ủy quyền cho tổ chức lưu ký làm thủ tục chuyển giao giấy tờ có giá và chuyển quyền sở hữu giấy

⁴⁸ Khoản 3 Điều 25 Thông tư 21/2012/TT-NHNN

Văn bản nội bộ:

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành
1	Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		04/08/2015
2	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị	975/2015/QC-HĐQT	01/09/2015
3	Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Thị trường Tài chính	952/2016/QĐ-HĐQT	30/08/2016
4	Quy định về việc xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của VPBank đối với Khách hàng là Định chế tài chính	1008/2015/QĐ-HĐQT	11/09/2015
5	Quy định về hệ thống hạn mức rủi ro thị trường và thẩm quyền phê duyệt	23/2013/QĐ-HĐQT	09/01/2013
6	Quy định về Chính sách quản trị rủi ro hoạt động tại VPBank	182/2013/QĐ-HĐQT	05/03/2013
7	Quy định về Chính sách Quản trị rủi ro thanh khoản của VPBank	448/2013/CS-HĐQT	20/06/2013
8	Quy trình phê duyệt và quản lý hạn mức với các khách hàng là Định chế tài chính	64-2016/QT-TGD	27/08/2016
9	Quy trình trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng tại VPBank	07/2016/QT-TGD	29/01/2016
10	Quy định phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro tại VPBank	1636/2014/QĐi-HĐQT	03/10/2014

Văn bản bên ngoài:

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Nơi ban hành	Ngày ban hành
1	Thông tư quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	21/2012/TT-NHNN	Ngân hàng Nhà nước	18/6/2012
2	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2012/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	01/2013/TT-NHNN	Ngân hàng Nhà nước	07/01/2013
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2012/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	18/2016/TT-NHNN	Ngân hàng Nhà nước	30/06/2016
4	Thông tư hướng dẫn giao dịch Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và Trái phiếu chính quyền địa phương	234/2012/TT-BTC	Bộ tài chính	28/12/2013

Văn bản này chứa các thông tin là tài sản của VPBank; Nghiêm cấm sao chép, in ấn dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền của VPBank.

5	Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương	55/QĐ-SGDHN	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	06/03/2013
6	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế Giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương ban hành theo QĐ số 55/QĐ-SGDHN ngày 06/03/2013	595/QĐ-SGDHN	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	14/09/2015
7	Quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	211/QĐ-VSD	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	18/12/2015

Văn bản nội bộ bị sửa đổi/bổ sung/thay thế

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Tình trạng
1	Quy chế cho vay, đi vay và mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa VPBank với các tổ chức tín dụng trên thị trường tiền tệ.	15a/2013/QC-HĐQT	07/01/2013	Hết hiệu lực

TỪ KHÓA (Cập nhật trên Hệ thống VPBeOffice để phục vụ tra cứu)

Cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá, thị trường tiền tệ

HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG/ĐÀO TẠO

Q&A	Email	Đào tạo tập trung	Khác
	x		

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Đơn vị chủ quản

Khối Thị Trường Tài chính

Phòng Thị trường tiền tệ và Quản lý thanh khoản

Tel: (ext.:)| **Email:** mm@vpbank.com.vn